

Bản án số: **96/2017/HNGĐ-ST**
Ngày: 30-9-2017.
V/v: “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Võ Anh Dũng**.

Các Hội thẩm nhân dân: **1. Bà Trần Thị Kim Tân**

2. Ông Trần Văn Xuân.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đinh Thị Hạ** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc: Không tham gia.

Vào ngày 30 tháng 9 năm 2017, tại Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: **401/2017/TLST-HNGĐ** ngày 10 tháng 7 năm 2017 về việc: “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số **103/2017/QĐST-HNGĐ** ngày 31 tháng 8 năm 2017, Quyết định hoãn phiên tòa số **86/2017/QĐ-HPTSST** ngày 15 tháng 9 năm 2017, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị **Nguyễn Thị T** - Sn: 1982. (*Vắng mặt*)

ĐKTT: Ấp TT, xã XH, huyện XL, tỉnh Đồng Nai.

Nghề nghiệp: Công nhân.

*** Bị đơn:** Anh **Nguyễn Xuân V** - Sn: 1982. (*Vắng mặt*)

ĐKTT: Ấp TT, xã XH, huyện XL, tỉnh Đồng Nai.

Nghề nghiệp: Buôn bán.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05-7-2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Xuân V cùng tự nguyện đăng ký kết hôn năm 2002, tại Ủy ban nhân dân xã XH, huyện XL, tỉnh Đồng Nai. Cuộc sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, do tính tình không hợp, anh V không chăm lo cho gia đình, anh chị sống ly thân từ tháng 3-2017 đến nay. Chị nhận thấy cuộc sống vợ chồng không thể duy trì, nên chị yêu cầu được ly hôn anh V.

Về con chung: Anh chị có 04 người con tên: Nguyễn Xuân Hoàng L, sinh ngày 25-4-2003 bị khuyết tật bẩm sinh nặng, đang hưởng trợ cấp xã hội hàng

tháng; Nguyễn Xuân Yên M, sinh ngày 18-7-2004; Nguyễn Xuân Yên N, sinh ngày 08-3-2007 và Nguyễn Xuân Hoàng Q, sinh ngày 08-3-2013, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 04 người con, yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ: Vợ chồng không vay nợ ai và không ai nợ vợ chồng.

Anh Nguyễn Xuân V (bị đơn):

Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ anh V đến làm việc nhưng anh đều vắng mặt không có lý do, không cung cấp lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Chị Nguyễn Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên áp dụng Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị T.

Anh Nguyễn Xuân V được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, nên áp dụng Điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh V.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Giấy chứng nhận kết hôn Số: R0131, Quyền số : 01/2002 ngày 31-12-2002 của Ủy ban nhân dân xã XH, huyện XL, tỉnh Đồng Nai cấp cho anh V – chị T đúng quy định pháp luật, nên hôn nhân của anh Nguyễn Xuân V và chị Nguyễn Thị T là hợp pháp.

[3] *Xét yêu cầu của nguyên đơn:*

Chị T cho rằng mâu thuẫn vợ chồng là do tính tình không hợp, vợ chồng hay cãi nhau, anh V không có trách nhiệm với cuộc sống gia đình. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh V đã nhận thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác của Tòa án nhưng không đến làm việc để hòa giải, cũng không cung cấp lời trình bày, cho thấy anh không có thiện chí vợ chồng cùng nhau giải quyết mâu thuẫn để đoàn tụ. Chứng tỏ hôn nhân của anh V – chị T đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, đủ căn cứ cho ly hôn theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] *Về con chung:*

Anh V và chị T có 04 người con tên: Nguyễn Xuân Hoàng L, sinh ngày 25-4-2003, bị khuyết tật bẩm sinh nặng, đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng; Nguyễn Xuân Yên M, sinh ngày 18-7-2004; Nguyễn Xuân Yên N, sinh ngày 08-3-2007 và Nguyễn Xuân Hoàng Q, sinh ngày 08-3-2013, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 04 người con. Xét thấy, các con đang sống cùng chị T, thời gian qua chị T chăm sóc con đảm bảo nên giao cả 04 người con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Chị T yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng. Chị T trình bày anh V làm nghề buôn bán trái cây, thu nhập thực tế chị không rõ. Căn cứ

vào nhu cầu cần thiết đối với các khoản chi phí sinh hoạt hàng ngày ở địa phương tại thời điểm hiện nay 3.000.000đồng là đảm bảo và phù hợp theo quy định tại Điều 116 Luật Hôn nhân và Gia đình nên chấp nhận.

[5] *Về tài sản*: Chị T không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[6] *Về nợ*: Chị T trình bày không có nên không xét.

[7] *Về án phí*:

Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền Án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

Anh Nguyễn Xuân V phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117, 118 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39, Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí.

Tuyên xử :

1. Về hôn nhân:

Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Xuân V.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao 04 người con chung tên: Nguyễn Xuân Hoàng L, sinh ngày 25-4-2003; Nguyễn Xuân Yên M, sinh ngày 18-7-2004; Nguyễn Xuân Yên N, sinh ngày 08-3-2007 và Nguyễn Xuân Hoàng Q, sinh ngày 08-3-2013, cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành và có khả năng lao động tự nuôi bản thân hoặc khi chị T và anh V có yêu cầu khác.

2.2. Anh Nguyễn Xuân V phải đóng góp nuôi con cho chị T số tiền 3.000.000 đồng/tháng (Ba triệu đồng/tháng) cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động, tự nuôi bản thân hoặc khi chị T và anh V có yêu cầu khác.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của chị Nguyễn Thị T (*Sau khi án có hiệu lực pháp luật*) hàng tháng anh Nguyễn Xuân V phải chịu lãi suất cơ bản theo mức quy định của Ngân hàng Nhà nước đối với khoản tiền chưa thi hành.

Anh V được thăm nom con chung, không ai được quyền ngăn cản, nhưng không được làm ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, giáo dục con chung.

Khi xét thấy cần thiết, các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ: Không giải quyết.

4. Về án phí:

Buộc chị Nguyễn Thị T nộp **300.000 (Ba trăm nghìn)** đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. **300.000 (Ba trăm nghìn)** đồng tiền tạm ứng án phí chị T nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc theo Biên lai thu số: **000086** ngày **05-7-2017** được chuyển thành tiền án phí.

Buộc anh Nguyễn Xuân V nộp **300.000 (Ba trăm nghìn)** đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết toàn sao bản án.

6. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa T thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND H.Xuân Lộc;
- Chi cục T.H.A dân sự H.Xuân Lộc;
- UBND xã XH;
- Các đương sự;
- Lưu: án văn, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Anh Dũng